TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2021/HNGĐ - ST.
Ngày: 20/8/2021.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm – Thẩm tra viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST - HNGĐ ngày 23/7/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng S, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn 3, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Kim T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 3, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phạm Lê Hồng Tr, sinh năm 2012; địa chỉ: Thôn 3, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - Chị Lê Thị Hồng S trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng S và anh Phạm Kim T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S vào năm 2013 tại số 04/2013, quyển số: 01/2013, ngày 19/01/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh S thường xuyên chơi đánh bạc, sử dụng trái phép chất ma túy. Mặc dù, chị S và gia đình nhiều lần vận động, khuyên răn nhưng anh T vẫn không thay đổi được tính tình. Chị S và anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Thời gian này, các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, chị S không còn tình cảm với anh T và cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị S có hai người con chung tên là Phạm Lê Hồng Tr, sinh ngày 12/12/2012; Phạm Lê Kim T1, sinh ngày 04/10/2019. Nếu ly hôn, chị S có nguyện vọng được quyền tiếp tục nuôi hai người con cho đến khi T niên và không yêu cầu cấp dưỡng T1 nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, hòa giải theo thủ tục quy định.

[3].Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Chị Lê Thị Hồng S cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao chứng minh nhân dân; 01 bản sao sổ hộ khẩu; 02 trích lục khai sinh (bản sao);

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng quan hệ hôn nhân của chị S và anh T.

[4].Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn là phù hợp.

-Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

-Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1, Điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Hồng S được ly hôn với anh Phạm Kim T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Hồng Tr, sinh ngày 12/12/2012; Phạm Lê Kim T1, sinh ngày 04/10/2019 cho chị Lê Thị Hồng S nuôi dưỡng cho đến khi T niên; anh T không phải cấp dưỡng T1 nuôi con cho chị S, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; chị S không được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Hồng S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Kim T đã được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Thể hiện trong hồ sơ vụ án, chị Lê Thị Hồng S đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Hồng S và bị đơn anh Phạm Kim T. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn - Chị Lê Thị Hồng S yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Ngoài ra đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng S:

Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Phạm Kim T và chị Lê Thị Hồng S tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Tánh Linh, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 04/2013, quyển số: 01/2013, ngày 15/01/2013. Theo lời khai của chị S xác định: Do anh T thường chơi đánh bạc và sử dụng trái phép chất ma túy nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, gia đình nhiều lần khuyên răn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Chị S không còn tình cảm nên làm đơn khởi kiện ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2021 xác định: Trong thời gian chung sống, do anh T không có công việc ổn định; cuộc sống kinh tế khó khăn nên anh T và chị S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Lê Thị Hồng S đều xác định không còn tình cảm với anh T và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã trầm trọng, kéo dài; vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị S là có căn cứ để chấp nhận. Cho nên, cần xử cho chị Lê Thị Hồng S và anh Phạm Kim T được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Phạm Kim T và chị Lê Thị Hồng S có chung hai người con tên là Phạm Lê Hồng Tr, sinh ngày 12/12/2012; Phạm Lê Kim T1, sinh ngày 04/10/2019. Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Lê Thị Hồng S có nguyện vọng được nuôi hai người con cho đến khi T niên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, ngày 22/4/2021 (bút lục 26) thể hiện cháu Phạm Lê Hồng Tr có nguyện vọng được sống với chị S. Ngoài ra, các cháu Phạm Lê Hồng Tr và Phạm Lê Kim T1 đang do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại các biên bản xác minh đều thể hiện: Hiện nay, anh T thường vắng mặt tại nơi cư trú; thỉnh thoảng mới có mặt ở nhà. Cho nên, nếu giao con cho anh T được quyền nuôi con sẽ không đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con phát triển về mọi mặt. Do đó, cần tiếp tục giao Phạm Lê Hồng Tr, Phạm Lê Kim T1 cho chị Lê Thị Hồng S được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi T niên là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Hồng S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Hồng S không yêu cầu Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc chị Lê Thị Hồng S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng S được ly hôn với anh Phạm Kim T.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao cho chị Lê Thị Hồng S có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung tên là Phạm Lê Kim T1, sinh ngày 04/10/2019; Phạm Lê Hồng Tr, sinh ngày 12/12/2012 cho đến khi con T niên.

Anh T không phải cấp dưỡng T1 nuôi con cho chị S, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; chị S không được quyền ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về án phí:* Chị Lê Thị Hồng S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số T1 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà chị S đã nộp theo biên lai số No 0007277, ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã S;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến